

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

## THỰC TRẠNG MẬT ĐỘ VẬN ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN THỂ LỰC NỮ SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

THE REALITY OF MOVEMENT DENSITY AND ITS IMPACT ON ACADEMIC PERFORMANCE AND PHYSICAL TRAINING OF FEMALE STUDENTS AT FINANCIAL ACADEMY

ThS. Ngô Quang Trung, ThS. Đỗ Thị Thu Thúy  
Học viện Tài chính

**Tóm tắt:** Mật độ vận động trong giờ học giáo dục thể chất (GDTC) là tỷ lệ thời gian dành cho việc thực hiện bài tập trên tổng số thời gian bài tập, đây là một yếu tố quan trọng quyết định đến hiệu quả GDTC cho nữ sinh viên. Hiện nay, do điều kiện cơ sở vật chất và một số yếu tố chuyên môn, nên mật độ vận động của nữ sinh viên trong giờ học GDTC còn nhiều hạn chế. Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng mật độ vận động trong giờ học GDTC và ảnh hưởng của nó tới kết quả học tập, rèn luyện thể lực của nữ sinh viên Học viện, đây là tiền đề để lựa chọn và xây dựng một số biện pháp nâng cao mật độ vận động trong giờ học GDTC theo hướng tích cực hóa người học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

**Từ khóa:** Thực trạng, mật độ vận động, giờ học GDTC, Học viện Tài chính, nữ sinh viên.

**Abstract:** The density of physical activity during physical education classes (PE) is the ratio of time spent performing exercises to the total exercise time, which is an important factor determining the effectiveness of PE for female students. Currently, due to facility conditions and certain professional factors, the density of physical activity for female students in PE classes is limited. The research results have assessed the current situation of physical activity density in PE classes and its impact on academic performance and physical training of female students at the Academy. This provides a basis for selecting and implementing measures to increase the density of physical activity in PE classes, with a focus on making learning more engaging and suitable for the practical conditions of the school.

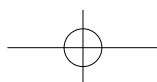
**Keywords:** Reality, movement density, physical education hours, Academy of Finance, female students.

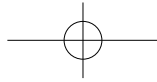
### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mật độ vận động trong giờ học GDTC là tỷ lệ thời gian dành cho việc thực hiện bài tập trên tổng số thời gian bài tập, đây là một yếu tố quan trọng quyết định đến hiệu quả GDTC cho nữ sinh viên. Hiện nay, do điều kiện cơ sở vật chất và một số yếu tố chuyên môn của nhà trường gặp nhiều khó khăn về địa điểm sân bãi tập luyện, số lượng nữ sinh viên lại đông, số lượng cán bộ, giảng viên thể dục thể thao lại ít, đồng thời các phương tiện, dụng cụ tập luyện thiếu thốn, nên dẫn đến thực trạng mật độ vận động của nữ sinh viên trong giờ học GDTC còn một số hạn chế. Thực tiễn công tác giảng dạy - huấn luyện đã chỉ ra rằng, trong các giờ

học GDTC hay giờ huấn luyện thể thao, người giảng viên, HLV có thể điều chỉnh và tự điều khiển quá trình giảng dạy của mình thông qua việc thay đổi lượng vận động, khối lượng, cường độ, mật độ vận động cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Chính vì vậy, với những điều kiện thực tiễn của Học viện Tài chính còn nhiều khó khăn như hiện nay, thì việc nâng cao mật độ vận động trong giờ học GDTC không chỉ bao hàm mục đích định hướng phát triển, tạo ra động cơ tốt cho người học, mà còn góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng GDTC trong nhà trường. Nội dung bài biết đề cập đến kết





## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

qua nghiên cứu đánh giá thực trạng mật độ vận động trong giờ học GDTC và ảnh hưởng của nó tới kết quả học tập, rèn luyện thể lực của nữ sinh viên. Đây là tiền đề để lựa chọn và xây dựng một số biện pháp nâng cao mật độ vận động trong giờ học GDTC theo hướng tích cực hóa người học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn - toạ đàm; Phương pháp toán học thống kê.

### 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

#### 2.1. Thực trạng về giờ học GDTC và mật độ vận động của nữ sinh viên Học viện Tài chính trong các giờ học GDTC

##### 2.1.1. Thực trạng về giờ học GDTC của nữ sinh viên Học viện Tài chính

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 30 cán bộ lãnh đạo, các cán bộ quản lý, các giảng viên thuộc bộ môn GDTC cùng các đơn vị có liên quan trong Học viện. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1 cho thấy:

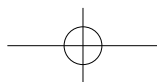
Công tác GDTC nói chung và giờ học GDTC chính khoá nói riêng trong những năm qua được đánh giá là đã đáp ứng từng phần những yêu cầu đặt ra của nhà trường và chương trình GDTC của Bộ Giáo dục và Đào

tạo, và trong những năm tới, để nâng cao chất lượng giờ học GDTC, cũng như mật độ vận động trong giờ học GDTC trong nhà trường thì cần quan tâm đến những vấn đề mà các ý kiến phỏng vấn tập trung lựa chọn, bao gồm: 1) Cần sự quan tâm hơn của lãnh đạo nhà trường; 2) Cần nâng cao chất lượng, trình độ của giảng viên; 3) Cần phải tăng cường cơ sở vật chất, sân bãi, kinh phí dành cho công tác giảng dạy và tập luyện thể dục thể thao; 4) Cần củng cố công tác quản lý bộ môn, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy chính khoá đáp ứng nhu cầu tập luyện và rèn luyện thân thể của học sinh viên.

- Cần tăng cường tổ chức các giải thể thao nhiều hơn, tổ chức và thành lập các câu lạc bộ các môn thể thao thu hút sinh viên có năng khiếu và ham thích các môn thể thao tập luyện. Ngoài ra, khi toạ đàm trực tiếp với các đối tượng phỏng vấn còn cho thấy, các ý kiến đều mong muốn rằng: Cần tăng cường công tác xã hội hoá trong các hoạt động thể thao và tập luyện thể dục thể thao trong nhà trường. Về công tác tổ chức quản lý kế hoạch của bộ môn GDTC đã được thực hiện thường xuyên (các ý kiến đánh giá chiếm: 76.47%) đã đóng góp rất lớn vào việc tổ chức phong trào thể dục thể thao của nhà trường.

**Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng về công tác GDTC của học viện tài chính hà nội (n = 30)**

T T	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	%
1	<b>Đánh giá công tác GDTC:</b>	-	-
	- Đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của nhà trường.	11	35.29
	- Đáp ứng từng phần yêu cầu.	19	64.71
	- Chưa đáp ứng.	0	0.00
2	<b>Những vấn đề mà công tác GDTC cần tập trung:</b>	-	-
	- Đảng uỷ Ban giám hiệu cần quan tâm luôn.	28	94.11
	- Cần củng cố công tác quản lý bộ môn GDTC.	25	82.35
	- Cần nâng cao chất lượng giảng viên thể dục thể thao.	30	100.00
	- Phải cải tiến phương pháp giảng dạy thể dục thể thao phù hợp điều kiện nhà trường.	26	88.23



Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

T T	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	%
	- Cần phải tăng cường cơ sở vật chất sân bãi.	30	100.00
	- Tăng kinh phí dành cho hoạt động thể thao.	29	97.05
	- Cần tổ chức các hoạt động thể thao.	27	91.17
	- Cần tổ chức các giải thể thao, câu lạc bộ, đội tuyển.	30	100.00
3	<b>Công tác tổ chức bộ môn:</b>	-	-
	- Cần thiết đưa bộ môn GDTC lên thành Khoa.	4	14.70
	- Công tác kế hoạch bộ môn:	-	-
	+ Đã làm thường xuyên.	23	76.47
	+ Chưa thường xuyên.	7	23.53
	- Xây dựng lại chương trình, nội dung giảng dạy.	2	5.88
	- Nên đưa nội dung kiểm tra tiêu chuẩn RLTT vào đánh giá điểm học tập của sinh viên?	26	88.23
4	<b>Công tác kế hoạch tổ chức (n = 10):</b>	-	-
	- Công tác chỉ đạo, kiểm tra chuyên môn với giảng viên.	-	-
	+ Thường xuyên.	4	40.00
	+ Chưa thường xuyên.	6	60.00
	- Công tác hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khoá của giảng viên	-	-
	+ Thường xuyên.	0	0.00
	+ Thỉnh thoảng.	3	30.00
	+ Chưa có.	7	70.00

Tiếp theo, nghiên cứu tiến hành khảo sát các ý kiến đánh giá về giờ học chính khóa GDTC thông qua hình thức phiếu phỏng vấn 1285 sinh viên hiện đang học tập tại Học viện. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 2 cho thấy:

- Động cơ tập luyện của nữ sinh viên chủ yếu là do ham thích thể thao (559 ý kiến chiếm tỷ lệ 43.50%), trong khi đó số ý kiến cho rằng tập luyện TDTT có tác dụng tốt đến việc rèn luyện tố chất thể lực (408 ý kiến lựa chọn, chiếm tỷ lệ 31.75%).

- Khi tìm hiểu các ý kiến đánh giá về giờ học chính khóa cho thấy, nhận thức về vị trí vai trò của giờ học nội khoá của đa số các nữ sinh viên là: Cung cấp về kiến thức về TDTT chỉ chiếm 80.16%, trang bị kỹ thuật thể thao chiếm 75.56%, nâng cao được sức khỏe chiếm 42.46%. Ngược lại có đến 54.40% số sinh viên được hỏi đánh giá giờ học nội khoá còn khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn kích thích sinh viên tập luyện; đặc biệt chú ý là có đến 1258 ý kiến đánh giá cho rằng giờ học không đủ điều kiện sân bãi dụng cụ (chiếm tỷ lệ 97.90%).

**Bảng 2. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên học viện tài chính về giờ học chính khóa giáo dục thể chất**

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1 (n = 490)		Năm thứ 2 (n = 405)		Năm thứ 3 (n = 390)		Tổng cộng (n = 1285)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	<b>Động cơ tập luyện TDTT:</b>								
	- Ham thích.	210	<b>42.86</b>	190	<b>46.91</b>	159	<b>40.77</b>	559	<b>43.50</b>
	- Nhận thấy tác dụng của RLTL.	146	<b>29.80</b>	111	<b>27.41</b>	151	<b>38.72</b>	408	<b>31.75</b>
	- Bắt buộc.	51	<b>10.41</b>	27	<b>6.67</b>	22	<b>5.64</b>	100	<b>7.78</b>

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

TT	Nội dung phỏng vấn	Năm thứ 1 (n = 490)		Năm thứ 2 (n = 405)		Năm thứ 3 (n = 390)		Tổng cộng (n = 1285)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
	- Không có điều kiện.	81	16.53	74	18.27	57	14.62	212	16.50
2	<b>Đánh giá giờ học nội khoá:</b>								
	- Cung cấp kiến thức về TĐTT.	389	79.39	330	81.48	311	79.74	1030	80.16
	- Trang bị kỹ thuật môn thể thao.	367	74.90	311	76.79	293	75.13	971	75.56
	- Nâng cao được sức khoẻ.	204	41.63	175	43.21	164	42.05	543	42.26
	- Giờ học khô khan.	263	53.67	225	55.56	211	54.10	699	54.40
	- Giờ học sôi động.	20	4.08	23	5.68	19	4.87	62	4.82
	- Không đủ sân bãi dụng cụ.	476	97.14	402	99.26	380	97.44	1258	97.90
3	<b>Yếu tố ảnh hưởng đến giờ học GDTC chính khoá:</b>								
	- Do điều kiện sân bãi.	215	43.88	164	40.49	192	49.23	571	44.44
	- Do trình độ giảng viên.	40	8.16	38	9.38	25	6.41	103	8.02
	- Thiếu dụng cụ tập luyện.	213	43.47	157	38.77	151	38.72	521	40.54
	- Không có đủ trang bị tập luyện	20	4.08	44	10.86	20	5.13	84	6.54

- Về các yếu tố ảnh hưởng đến giờ học GDTC chính khoá, hầu hết các ý kiến đều tập trung vào các yếu tố do điều kiện sân bãi không đảm bảo (541 ý kiến lựa chọn chiếm tỷ lệ 44.44%), thiếu dụng cụ tập luyện (521 ý kiến lựa chọn chiếm tỷ lệ 40.54%). Qua toạ đàm trực tiếp với các sinh viên cho thấy, các ý kiến cho rằng do điều kiện sân bãi không đảm bảo, thiếu các dụng cụ tập luyện nên trong các giờ học, số lượt các sinh viên được tham gia tập luyện không nhiều, hay nói một cách khác là mật độ vận động trong giờ học GDTC không cao.

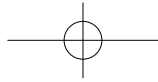
**2.1.2. Đánh giá thực trạng về mật độ vận động của nữ sinh viên Học viện Tài chính trong các giờ học GDTC**

Nghiên cứu tiến hành quan sát sự phạm các buổi tập chính khoá của nữ sinh viên ở các môn học, và ghi lại các chỉ số tính mật độ vận động của giờ học GDTC, để đánh giá mật độ vận động thực tế của nữ sinh viên. Giờ học GDTC của nữ sinh viên theo giáo án đã biên soạn của giảng viên diễn ra trong thời gian từ 100 phút, được phân bố như sau: Phần khởi động 15 phút, phần cơ bản 75 phút và phần kết thúc 10 phút. Căn cứ vào sự phân chia trên đây, việc quan sát được tiến hành đồng loạt trong giờ học GDTC. Các giá trị thời gian được quy đổi ra thành phút, từ đó có thể tính ra mật độ vận động của các buổi học GDTC của sinh viên. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3 cho thấy:



**Bảng 3. Kết quả khảo sát mật độ vận động trong giờ học gđtc chính khóa của nữ sinh viên học viện tài chính**

TT	Đối tượng	Mật độ vận động theo từng môn học											
		Điền kinh		Bóng rổ		Cầu lông		Bóng chuyền					
		Khởi động (15 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Phần cơ bản (75 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Mật độ vận động (%)	Khởi động (15 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Phần cơ bản (75 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Mật độ vận động (%)	Khởi động (15 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Phần cơ bản (75 phút) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Mật độ vận động (%)			
1	Đại học khoá 60	5.16±0.77	23.16±3.47	35.02	5.33±0.80	23.45±3.52	35.81	5.03±0.75	22.05±3.31	33.73	4.13±0.62	20.38±3.06	29.44
		34.40	35.63	35.02	35.53	36.08	35.81	33.53	33.92	33.73	27.53	31.35	29.44
2	Đại học khoá 59	5.32±0.80	24.11±3.62	36.28	5.46±0.82	24.89±3.73	37.35	5.11±0.77	23.19±3.48	34.87	5.05±0.76	21.13±3.17	33.09
		35.47	37.09	36.28	36.40	38.29	37.35	34.07	35.68	34.87	33.67	32.51	33.09
3	Đại học khoá 58	5.03±0.75	23.07±3.46	34.51	5.83±0.87	24.17±3.63	38.03	5.23±0.78	23.21±3.48	35.29	4.98±0.75	22.01±3.30	33.53
		33.53	35.49	34.51	38.87	37.18	38.03	34.87	35.71	35.29	33.20	33.86	33.53
4	Đại học khoá 57	5.77±0.87	25.16±3.77	38.59	5.87±0.88	25.56±3.83	39.23	5.16±0.77	24.02±3.60	35.68	5.01±0.75	23.32±3.50	34.64
		38.47	38.71	38.59	39.13	39.32	39.23	34.40	36.95	35.68	33.40	35.88	34.64
	$\Sigma$			<b>144.39</b>			<b>150.41</b>			<b>139.56</b>		<b>130.70</b>	
	$\bar{x}$			<b>36.10</b>			<b>37.60</b>			<b>34.89</b>		<b>32.68</b>	



**Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học**

Mật độ vận động trong các giờ học GDTC của nữ sinh viên (các môn học điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông) là rất thấp (dưới 40%): Ở môn học điền kinh, mật độ vận động thu được từ 34.51% đến 38.59%; ở môn học bóng rổ, mật độ vận động thu được từ 35.81% đến 39.23%; ở môn học cầu lông, mật độ vận động thu được từ 33.73% đến 35.68%; ở môn học bóng chuyền, mật độ vận động cũng thu được từ 29.44% đến 34.64%. Trung bình, mật độ vận động trong các môn học nói trên của sinh viên đạt từ 32.68% đến 37.60%. Thấp

nhất là ở môn bóng chuyền và cầu lông, còn các môn điền kinh và bóng rổ thì mật độ vận động đạt ở mức cao hơn. Có thể thấy, mật độ vận động phụ thuộc nhiều vào điều kiện sân bãi, dụng cụ.

**2.2. Kết quả học tập các môn học và đánh giá tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của nữ sinh viên Học viện Tài chính.**

**2.2.1. Thực trạng về kết quả học tập các môn học của sinh viên Học viện Tài chính**

Kết quả thu được như trình bày ở bảng 4 cho thấy:

**Bảng 4. Thực trạng kết quả học tập của nữ sinh viên học viện Tài chính (năm học 2020 - 2021)**

Kết quả khảo sát	Kết quả xếp loại học tập phần lý thuyết và thực hành					Tổng
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
n	12	49	119	31	11	222
Tỷ lệ %	5.60	22.00	53.40	14.00	5.00	100.00

- Tỷ lệ nữ sinh viên đạt điểm khá và trung bình là rất lớn, 168/222 nữ sinh viên, chiếm tỷ lệ 75.40%, trong đó loại khá có 49/222 nữ sinh viên, chiếm tỷ lệ 22.00%; loại trung bình có 119/222 nữ sinh viên, chiếm tỷ lệ 53.40%.

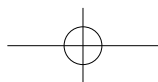
- Tỷ lệ số nữ sinh viên đạt loại giỏi rất thấp, chỉ có 12/222 nữ sinh viên, chiếm tỷ lệ 5.60%. Trong khi đó, tỷ lệ nữ sinh viên đạt loại yếu và kém chiếm tỷ lệ cũng tương đối cao, có đến 44/222 nữ sinh viên đạt loại yếu, kém, chiếm tỷ lệ 19.00% (trong đó, loại yếu có 31/222 nữ sinh viên, chiếm tỷ lệ 14.00%, loại kém có 11/222 nữ sinh viên chiếm tỷ lệ 5.00%.

**2.2.2. Thực trạng về tổ chất thể lực chung của nữ sinh viên Học viện Tài chính theo tiêu chuẩn RLTL**

Đối tượng kiểm tra gồm 222 nữ sinh viên Học viện Tài chính thông qua các test thể lực

theo Quyết định số 53/2008/BGDĐT. Qua đó tiến hành so sánh với kết quả điều tra thể chất nhân dân có cùng lứa tuổi (lứa tuổi 18) thời điểm năm 2001 (của Viện khoa học TĐTT). Kết quả được trình bày ở bảng 5 và 6, cho thấy:

Số nữ sinh viên đạt tiêu chuẩn sức mạnh tương đối thấp: Sức mạnh chi dưới (bật xa tại chỗ): đạt tỷ lệ 44.14. Số nữ sinh viên đạt tiêu chuẩn sức mạnh cơ bụng (nằm ngửa gập bụng 30s) đạt tỷ lệ ở mức trung bình yếu (47.75%). Số nữ sinh viên đạt tiêu chuẩn sức nhanh (chạy 30m XPC) đạt tỷ lệ ở mức trung bình và trung bình khá: 54.50%. Số nữ sinh viên đạt chỉ tiêu sức bền thấp nhất so với các tổ chất còn lại (chạy tuý sức 5 phút): 67/222 người, đạt tỷ lệ 30.18%.

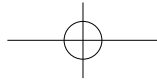


**Bảng 5. Thực trạng năng lực thể chất của nữ sinh viên học viện tài chính (n = 222)**

TT	Nội dung kiểm tra	Tiêu chuẩn RLTT mức đạt (lứa tuổi 18)	Kết quả kiểm tra				Thể chất nhân dân thời điểm 2001 (lứa tuổi 18) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	So sánh		
			$\bar{x} \pm \delta$	Số người đạt chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số người không đạt chỉ tiêu		Tỷ lệ %	t	P
1	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30s).	$\geq 15$	14,66 $\pm$ 1,64	106	<b>47.75</b>	116	<b>52.25</b>	12.00 $\pm$ 3.955	<b>17.431</b>	<0.001
2	Bật xa tại chỗ (cm).	$\geq 151$	151.19 $\pm$ 18.87	98	<b>44.14</b>	124	<b>55.86</b>	160.00 $\pm$ 18.232	<b>6.492</b>	<0.001
3	Chạy 30m XPC (s).	$\leq 6.80$	6.90 $\pm$ 0.86	121	<b>54.50</b>	101	<b>45.50</b>	6.23 $\pm$ 0.643	<b>11.125</b>	<0.001
4	Chạy tùy sức 5 phút (m).	$\geq 850$	849.44 $\pm$ 99.72	67	<b>30.18</b>	155	<b>69.82</b>	722.00 $\pm$ 102.268	<b>17.628</b>	<0.001

**Bảng 6. Tổng hợp kết quả đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của nữ sinh viên học viện tài chính (n = 222)**

TT	Nội dung	Kết quả tổng hợp				
		Số đạt chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số không đạt chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30s).	106	47.75	116	52.25	52.25
2	Bật xa tại chỗ (cm).	98	44.14	124	55.86	55.86
3	Chạy 30m XPC (s).	121	54.50	101	45.50	45.50
4	Chạy tùy sức 5 phút (m).	67	30.18	155	69.82	69.82
	<b>Trung bình</b>		<b>44.14</b>			<b>55.86</b>



### Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Khi so sánh với kết quả điều tra thể chất nhân dân có cùng độ tuổi (thời điểm năm 2001) của Viện khoa học TDTT cho thấy, tất cả các nội dung kiểm tra đều có sự khác biệt rõ rệt ( $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$  với  $P < 0.001$ ). Điều đó cho thấy, thể chất của nữ sinh viên Học viện Tài chính còn ở mức độ thấp. Nhìn chung, xét tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể trung bình ở các nội dung chỉ có tỷ lệ 44.14% đạt yêu cầu.

### 3. KẾT LUẬN

1. Thực trạng công tác GDTC của Học viện Tài chính còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Việc thực hiện chương trình GDTC đã đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuy nhiên các điều kiện cơ sở vật chất, sân bãi

dụng cụ còn một số khó khăn, không đảm bảo về số lượng và chất lượng dẫn đến ảnh hưởng đến mật độ vận động trong giờ học chính khóa GDTC, trong khi nữ sinh viên Học viện Tài chính có nhận thức tương đối tốt về tác dụng của tập luyện TDTT tới việc rèn luyện thể chất.

2. Mật độ vận động của nữ sinh viên trong các giờ học GDTC Học viện Tài chính chỉ đạt ở mức từ 32.68% đến 37.60%, điều đó đã ảnh hưởng đến chất lượng GDTC cho sinh viên trong nhà trường, tỷ lệ số nữ sinh viên có tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trung bình ở tất cả các nội dung thì mới chỉ đạt tỷ lệ 44.14% đạt yêu cầu trở lên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.*

2. Ban chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

3. Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 01 năm 2015 Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường.*

4. Nguyễn Việt Hòa (2019), *Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động học tập môn học GDTC cho sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội theo hướng tích cực hóa người học*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.

4. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành (2008), *Giáo trình thể dục thể thao trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), *Lý luận phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Ngô Quang Trung (2023), Bài báo được trích từ đề tài: “Nghiên cứu biện pháp nâng cao mật độ vận động trong giờ học GDTC cho nữ sinh viên Học viện Tài chính” - Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở Học viện Tài chính năm 2023. Đề tài bước đầu đã hoàn thành và dự kiến bảo vệ trước Hội đồng khoa học cấp cơ sở - Học viện Tài chính tháng 11/2023.

Ngày nhận bài: 10/7/2023; Ngày đánh giá: 20/7/2023; Ngày duyệt đăng: 04/8/2023.

